

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thành tích tốt trong năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên năm học 2021-2022;

Căn cứ biên bản họp hội đồng Khen thưởng kỷ luật sinh viên ngày 09/11/2022;

Theo đề nghị của bà trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thành tích tốt trong năm học 2021-2022 cho 30 sinh viên hệ chính quy các khóa với mức học bổng như sau:

- * Học bổng của Ngân hàng Vietcombank:
 $2.500.000đ/SV \times 18 SV = 45.000.000đ$
- * Học bổng của Ngân hàng Vietinbank:
 $2.500.000đ/SV \times 08 SV = 20.000.000 đ$
- * Học bổng của Công ty Bảo hiểm Duyệt hải PVI:
 $2.500.000đ/SV \times 04 SV = 10.000.000đ$

Tổng = 75.000.000đ

Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn./.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Kinh phí cấp học bổng thuộc nguồn của các đơn vị tài trợ cấp.

Điều 3: Các ông (bà): Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học; Trưởng phòng Tài chính kế toán; các đơn vị tài trợ; các lớp sinh viên và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTĐH, TCKT.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH HỌC BỔNG NGÂN HÀNG VIETCOMBANK NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo QĐ số 2276/QĐ - YDHP ngày 24 tháng 11 năm 2022)

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM TỔNG KẾT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Thanh Mừng	1752010041	YHCT.K3	Hộ cận nghèo	3.64	2,500,000	
2	Lê Thị Hằng	1851150021	YHCT.K4	Hộ cận nghèo	3.56	2,500,000	
3	Nguyễn Thị The	1751010418	K39H	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	3.55	2,500,000	
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1751010348	K39F	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	3.55	2,500,000	
5	Nguyễn Thị Huệ Anh	2051010359	K42B	Hộ nghèo	3.54	2,500,000	
6	Nguyễn Thị Lệ Thuý	1951010414	K41H	Hộ nghèo	3.47	2,500,000	
7	Trần Thị Bích Hạnh	1751010140	K39C	Hộ nghèo	3.47	2,500,000	
8	Trần Thị Kim Loan	1751010278	K39C	Hộ nghèo	3.39	2,500,000	
9	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2051010084	K42E	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	3.39	2,500,000	
10	Từ Thị Hoài Châm	1751010051	K39E	Mất mẹ, Bố mất khả năng lao động	3.35	2,500,000	
11	Kim Thị Ngọc Thảo	1751010413	K39E	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	3.29	2,500,000	
12	Phạm Thị Trang	1955010050	RHM.K11	Hộ nghèo	3.21	2,500,000	
13	Phạm Thị Quyên	2052010133	Dược K9B	Hoàn cảnh khó khăn	3.15	2,500,000	
14	Lương Thị Lan Hương	1751010206	K39F	Hộ nghèo	3.10	2,500,000	
15	Phạm Hoàng Yến	1851010593	K40H	GD Khó khăn	3.07	2,500,000	
16	Phạm Thị Kiều Anh	1951010240	K41D	Hộ nghèo, bố thiếu năng trí tuệ, mẹ tàn tật	3.03	2,500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM TỔNG KẾT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
17	Vũ Thị Nghĩa	1951010181	K41H	Hoàn cảnh gia đình khó khăn	2.98	2,500,000	
18	Nguyễn Thị Diễm	1851150012	YHCT.K4	Hộ cận nghèo	2.94	2,500,000	
TỔNG						45,000,000	

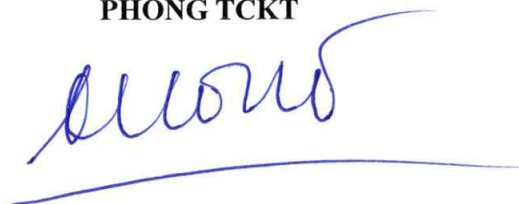
Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG TCKT



TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương

PHÒNG QLĐTĐH



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TS. Nguyễn Thị Thắm

 HIỆU TRƯỞNG



*PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC BỔNG NGÂN HÀNG VIETINBANK NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo QĐ số 2276/QĐ - YDHP ngày 24 tháng 11 năm 2022)

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM TỔNG KẾT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phạm Mai Phương	1851010413	K40E	Hộ nghèo	2.89	2,500,000	
2	Lê Văn Anh	1855010007	RHM.K10	Gia đình khó khăn	2.86	2,500,000	
3	Nguyễn Thị Phương	1851010419	K40H	Hộ cận nghèo	2.84	2,500,000	
4	Vũ Thu Trang	2052010104	Dược K9B	Hoàn cảnh khó khăn	2.72	2,500,000	
5	Nguyễn Huy Ngọc	1951150033	YHCT.K5	Hộ nghèo, bố mất, mẹ sức khỏe yếu	2.71	2,500,000	
6	Nguyễn Thị Thanh Hoàn	2052010115	Dược K9B	Hộ cận nghèo	2.69	2,500,000	
7	An Văn Toàn	2051010400	K42A	Hộ cận nghèo	2.68	2,500,000	
8	Vũ Thị Họa	1851010194	K40A	Hộ nghèo	2.67	2,500,000	
TỔNG						20,000,000	

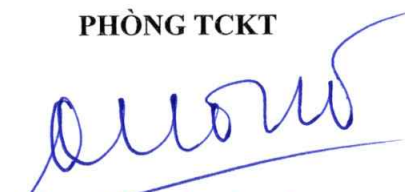
Bảng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG TCKT


TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương

PHÒNG QLĐTĐH


TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TS. Nguyễn Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC BỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM DUYÊN HẢI PVI NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo QĐ số 2276/QĐ - YDHP ngày 24 tháng 11 năm 2022)

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM TỔNG KẾT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Lan Anh	1851010036	K40H	Hộ nghèo	2.63	2,500,000	
2	Bùi Thị Hà My	2155010062	RHMK13	Bồ khuyết tật - gia đình hộ cận nghèo	2.58	2,500,000	
3	Nguyễn Trang Hải	1951150038	YHCTK5	Bồ khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	2.56	2,500,000	
4	Vũ Thị Khánh Huyền	2151150012	YHCTK7	Hộ nghèo	1.95	2,500,000	
TỔNG						10,000,000	

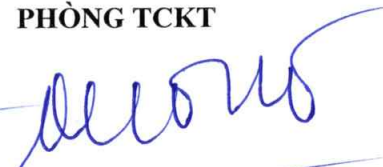
Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn./.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG TCKT


TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương

PHÒNG QLĐTĐH


TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TS. Nguyễn Thị Thắm

 HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai